

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BTH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BTH SCIENCE TECHNOLOGY APPLICATIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109268647

3. Ngày thành lập: 15/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 20, ngách 25, Ngõ 102 Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962433227

Fax:

Email: lebinh.hec@gmail.com

Website: dongtrunghathaobth.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
2.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
3.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Điểm a Khoản 2 Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13)	2100
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá như thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc Lào.	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Điểm d Khoản 2 Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13); - Kinh doanh trang thiết bị, dụng cụ y tế (Điều 4 Thông tư 03/2001 của Bộ y tế số 03/2001/TT-BYT về hướng dẫn kinh doanh trang thiết bị, dụng cụ y tế); - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong các cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
17.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
19.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
20.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
21.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc (Điểm đ Khoản 2 Điều 32 Luật Dược số 105/2016/QH13); - Kinh doanh trang thiết bị, dụng cụ y tế (Điều 4 Thông tư 03/2001 của Bộ y tế số 03/2001/TT-BYT ngày 16 tháng 02 năm 2001 về hướng dẫn kinh doanh trang thiết bị, dụng cụ y tế); - Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (Khoản 5 Điều 31 Nghị định 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược)	4772
22.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
23.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
24.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
25.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
26.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Hoạt động tư vấn quản lý (loại trừ tư vấn pháp lý)	7020
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
39.	Quảng cáo	7310
40.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: - Chụp ảnh cho tiêu dùng thương mại; - Chụp hình trên không; - Chụp dưới dạng vi phim các tư liệu	7420
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
43.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
46.	Dịch vụ đóng gói	8292
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
48.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
49.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

50.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa. (Điều 25,26 Nghị định 109/2016/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)	8620
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	4773
52.	Hoạt động y tế dự phòng Chi tiết: Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng (Điều 31 Nghị định 109/2016/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)	8691
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
54.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Phòng chẩn trị y học cổ truyền; - Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp (Điều 27, 32 Nghị định 109/2016/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)	8699
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô (Chương II Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
56.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
58.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
60.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

61.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (không sản xuất tại trụ sở chính) (Điều 8 Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	1079(Chính)
-----	---	-------------

6. Vốn điều lệ: 680.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THANH BÌNH	P0710 The Capital Garden Ngõ 102 Trường Chinh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	306.000.000	45,000	038074010661	
2	ĐẶNG THỊ HIỀN	P0710 The Capital Garden Ngõ 102 Trường Chinh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	374.000.000	55,000	C8973237	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038074010661

Ngày cấp: 31/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P0710 The Capital Garden Ngõ 102 Trường Chinh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P0710 The Capital Garden Ngõ 102 Trường Chinh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội